

TRƯỜNG ĐẠI HỌC DƯỢC HÀ NỘI

PHÒNG ĐẠO TẠO

THỜI KHOÁ BIỂU*Học kỳ II - Năm học 2015 - 2016 - Lớp BH9*

Từ ngày 28/12/2015 đến ngày 02/01/2016

	Ngày Lớp	THỨ HAI	THỨ BA	THỨ TƯ	THỨ NĂM	THỨ SÁU	THỨ BẢY
TỐI	BH9	Dược liệu (4 tiết) GD 6	Hóa dược (4 tiết) GD 6	Ngoại ngữ CN (4 tiết) GD 6	Dược liệu (4 tiết) GD 6		

Từ ngày 04/01 đến ngày 16/01/2015

	Ngày Lớp	THỨ HAI	THỨ BA	THỨ TƯ	THỨ NĂM	THỨ SÁU	THỨ BẢY
TỐI	BH9	Bào chế (4 tiết) GD 6	Hóa dược (4 tiết) GD 6	Ngoại ngữ CN (4 tiết) GD 6	Dược liệu (4 tiết) GD 6	Bào chế (4 tiết) GD 6	

Từ ngày 18/01 đến ngày 23/01/2016

	Ngày Lớp	THỨ HAI	THỨ BA	THỨ TƯ	THỨ NĂM	THỨ SÁU	THỨ BẢY
SÁNG	BH9						TT Bào chế
CHIỀU	BH9						Bào chế (4 tiết) GD 6
TỐI	BH9	Bào chế (4 tiết) GD 6	Hóa dược (4 tiết) GD 6	Ngoại ngữ CN (4 tiết) GD 6	TT Dược liệu	TT Bào chế	

(Xem tiếp trang sau)

Từ ngày 25/01 đến ngày 30/01/2016

	Ngày Lớp	THỨ HAI	THỨ BA	THỨ TƯ	THỨ NĂM	THỨ SÁU	THỨ BẢY
SÁNG	BH9						TT Bào chế
TỐI	BH9	Bào chế (4 tiết) GD 6	Hóa dược (4 tiết) GD 6	Ngoại ngữ CN (4 tiết) GD 6	TT Dược liệu	TT Bào chế	

Từ ngày 22/01 đến ngày 05/03/2016

	Ngày Lớp	THỨ HAI	THỨ BA	THỨ TƯ	THỨ NĂM	THỨ SÁU	THỨ BẢY
SÁNG	BH9						TT Bào chế
TỐI	BH9	Dược lý (4 tiết) GD 6	Dược học cổ truyền (4 tiết) GD 6	Ngoại ngữ CN (4 tiết) GD 6	TT Dược liệu	TT Bào chế	

Từ ngày 07/03 đến ngày 12/03/2016

	Ngày Lớp	THỨ HAI	THỨ BA	THỨ TƯ	THỨ NĂM	THỨ SÁU	THỨ BẢY
TỐI	BH9	Dược lý (4 tiết) GD 6	Dược học cổ truyền (4 tiết) GD 6	Ngoại ngữ CN (4 tiết) GD 6	TT Dược liệu	Bào chế (4 tiết) GD 6	

(Xem tiếp trang sau)

Từ ngày 14/03 đến ngày 02/04/2016

	Ngày Lớp	THỨ HAI	THỨ BA	THỨ TƯ	THỨ NĂM	THỨ SÁU	THỨ BẢY
TỐI	BH9	Dược lý (4 tiết) GD 6	Dược học cổ truyền (4 tiết) GD 6	TT Hóa dược	TT Dược liệu	Bào chế (4 tiết) GD 6	

Từ ngày 04/04 đến ngày 16/04/2016

	Ngày Lớp	THỨ HAI	THỨ BA	THỨ TƯ	THỨ NĂM	THỨ SÁU	THỨ BẢY
TỐI	BH9	Dược lý (4 tiết) GD 6	Dược học cổ truyền (4 tiết) GD 6	TT Hóa dược	TT DHCT	Bào chế (4 tiết) GD 6	

Từ ngày 18/04 đến ngày 23/04/2016

	Ngày Lớp	THỨ HAI	THỨ BA	THỨ TƯ	THỨ NĂM	THỨ SÁU	THỨ BẢY
TỐI	BH9	TT Dược lý	Dược học cổ truyền (4 tiết) GD 6	TT Hóa dược	TT DHCT	Bào chế (4 tiết) GD 6	

Từ ngày 25/04 đến ngày 30/04/2016

	Ngày Lớp	THỨ HAI	THỨ BA	THỨ TƯ	THỨ NĂM	THỨ SÁU	THỨ BẢY
TỐI	BH9	TT Dược lý	Dược học cổ truyền (4 tiết) GD 6	TT Hóa dược	TT DHCT	TT Dược lý	

Từ ngày 02/05 đến ngày 07/05/2016

	Ngày Lớp	THỨ HAI	THỨ BA	THỨ TƯ	THỨ NĂM	THỨ SÁU	THỨ BẢY
TỐI	BH9	TT Được lý	TT Bào chế	TT Bào chế	TT DHCT	TT Được lý	

Từ ngày 09/05/2016

	Ngày Lớp	THỨ HAI	THỨ BA	THỨ TƯ	THỨ NĂM	THỨ SÁU	THỨ BẢY
TỐI	BH9		TT Bào chế	TT Bào chế	TT DHCT		

Ghi chú: Giờ học và thực hành: Sáng: 8h00; Chiều: 13h30; Tối: 17h30

Từ 11/01/2016 đến ngày 05/03/2016 (Nghỉ Tết trong khoảng tuần từ 01/02 -20/02/2016 theo lịch của trường)

	Ngày Lớp	THỨ HAI	THỨ BA	THỨ TƯ	THỨ NĂM	THỨ SÁU	THỨ BẢY
TỐI	BH10	Hóa sinh (4 tiết)	Sinh lý bệnh MD (4 tiết)	Môi trường (4/5 tiết)	Vi sinh – Ký sinh (4 tiết)	Thực vật (4 tiết)	

Từ ngày 07/03 đến ngày 12/03/2016

	Ngày Lớp	THỨ HAI	THỨ BA	THỨ TƯ	THỨ NĂM	THỨ SÁU	THỨ BẢY
TỐI	BH10	Hóa sinh (4 tiết)	Sinh lý bệnh MD (4 tiết)	Hóa phân tích (4 tiết)	Vi sinh – Ký sinh (4 tiết)	Thực vật (4 tiết)	

Từ ngày 14/03 đến ngày 26/03/2016

	Ngày Lớp	THỨ HAI	THỨ BA	THỨ TƯ	THỨ NĂM	THỨ SÁU	THỨ BẢY
SÁNG	BH10						Sinh lý bệnh MD (4 tiết)
CHIỀU	BH10						TT Thực vật
TỐI	BH10	Hóa sinh (4 tiết)	TT Sinh lý bệnh MD	Hóa phân tích (4 tiết)	Vi sinh – Ký sinh (4 tiết)	Thực vật (4 tiết)	

Từ ngày 28/03 đến ngày 02/04/2016

	Ngày Lớp	THỨ HAI	THỨ BA	THỨ TƯ	THỨ NĂM	THỨ SÁU	THỨ BẢY
SÁNG	BH10						Bệnh học (5 tiết)
CHIỀU	BH10						TT Thực vật
TỐI	BH10	Hóa sinh (4 tiết)	TT Sinh lý bệnh MD	Hóa phân tích (4 tiết)	Vi sinh – Ký sinh (4 tiết)	Thực vật (5 tiết)	

Từ ngày 04/04 đến ngày 09/04/2016

	Ngày Lớp	THỨ HAI	THỨ BA	THỨ TƯ	THỨ NĂM	THỨ SÁU	THỨ BẢY
SÁNG	BH10						Bệnh học (4 tiết)
CHIỀU	BH10						TT Hóa sinh
TỐI	BH10	Hóa sinh (4 tiết)	TT Sinh lý bệnh MD	Hóa phân tích (5 tiết)	Vi sinh – Ký sinh (3 tiết)	TT Thực vật	

Từ ngày 11/04 đến ngày 16/04/2016

	Ngày Lớp	THỨ HAI	THỨ BA	THỨ TƯ	THỨ NĂM	THỨ SÁU	THỨ BẢY
SÁNG	BH10						Bệnh học (4 tiết)
CHIỀU	BH10						
TỐI	BH10	TT Hóa sinh	Bệnh học (4 tiết)	TT Hóa phân tích	TT Vi sinh – Ký sinh	TT Thực vật	

Từ ngày 18/04 đến ngày 07/05/2016

	Ngày Lớp	THỨ HAI	THỨ BA	THỨ TƯ	THỨ NĂM	THỨ SÁU	THỨ BẢY
SÁNG	BH10						Bệnh học (4 tiết)
CHIỀU	BH10						Bệnh học (4 tiết)
TỐI	BH10	TT Hóa sinh	TT Bệnh học	TT Hóa phân tích	TT Vi sinh – Ký sinh	TT Thực vật	

Từ ngày 09/05/2016

	Ngày Lớp	THỨ HAI	THỨ BA	THỨ TƯ	THỨ NĂM	THỨ SÁU	THỨ BẢY
TỐI	BH10	TT Hóa sinh	TT Bệnh học	TT Hóa phân tích	TT Vi sinh – Ký sinh	TT Thực vật	

Ghi chú:

- Địa điểm học: **GD 3**; Giờ học : buổi sáng từ 8h00; buổi chiều từ 13h30; buổi tối từ 17h30
- LT bắt đầu từ **11/01/2016**; LT Hóa phân tích từ 07/03/2016; LT Bệnh học từ 28/03/2016;
- TT bắt đầu từ:

TT SLMD từ **14/03/2016**; TT Thực vật từ **14/03/2016**;

TT Hóa phân tích từ **11/04/2016**; TT Vi sinh – Kí sinh từ **11/04/2016**;

TT Hoá sinh từ **04/04/2016**; TT Bệnh học từ **18/04/2016**;

TRƯỜNG ĐẠI HỌC DƯỢC HÀ NỘI

PHÒNG ĐÀO TẠO

THỜI KHOÁ BIỂU

Học kỳ II - Năm học 2015 - 2016 - Cao đẳng khóa 5

- Từ ngày 28/12/2015 đến ngày 12/03/2016

Ngày Lớp	THỨ HAI	THỨ BA	THỨ TƯ	THỨ NĂM	THỨ SÁU	THỨ BẢY
S	D1K5	Hóa dược (2,3) Đường lối CM ĐCSVN (4,5,6) GD 18	TT HDược	Quản lý và KTế dược (2,3,4,5) GD 18	Dược học CT (2,3,4) Dược liệu (5,6) GD 18	
			TT HDược			
			TT HDược			
	D2K5		Quản lý và KTế dược (2,3,4,5) GD 18	Dược học CT (2,3,4) Dược liệu (5,6) GD 16	TT HDược	
					TT HDược	
					TT HDược	
C	D1K5	Giáo dục thể chất (8,9,10,11) Sân tập	TT HDược	Giáo dục thể chất (2,3,4,5) Sân tập	TT HDược	TT HDược
			TT HDược		TT HDược	TT HDược
			TT HDược		TT HDược	TT HDược
	D2K5	Giáo dục thể chất (2,3,4,5) Sân tập	TT HDược	Giáo dục thể chất (8,9,10,11) Sân tập	Hóa dược (7,8) Đường lối CM ĐCSVN (9,10,11) GD 18	
			TT HDược			
			TT HDược			

(Xem tiếp trang sau)

• Từ ngày 14/03 đến ngày 19/03/2016

	Ngày Lớp		THỨ HAI		THỨ BA		THỨ TƯ		THỨ NĂM		THỨ SÁU		THỨ BẢY
S	D1K5			Hóa dược (2,3,4,5) GD 18		TT DHCT	TT KTDược	Quản lý và KTế dược (2,3,4) GD 18		Dược liệu (2,3,4,5) GD 18			
						TT DHCT	TT KTDược						
						TT DHCT	TT KTDược						
	D2K5	TT KTDược		TT DHCT	Se ĐLCM	Quản lý và KTế dược (2,3,4) GD 18		Dược liệu (2,3,4,5) GD 18		Se ĐLCM	TT KTDược		
		TT KTDược		TT DHCT	Se ĐLCM					Se ĐLCM	TT KTDược		
		TT KTDược		TT DHCT	Se ĐLCM					Se ĐLCM	TT KTDược		
C	D1K5	Giáo dục thể chất (8,9,10,11) Sân tập		TT KTDược	TT DHCT	Giáo dục thể chất (2,3,4,5) Sân tập		TT KTDược	Se ĐLCM	Se ĐLCM	TT KTDược		
				TT KTDược	TT DHCT			TT KTDược	Se ĐLCM	Se ĐLCM	TT KTDược		
				TT KTDược	TT DHCT			TT KTDược	Se ĐLCM	Se ĐLCM	TT KTDược		
	D2K5		TT KTDược	Giáo dục thể chất (2,3,4,5) Sân tập		TT KTDược	TT DHCT	Giáo dục thể chất (8,9,10,11) Sân tập		Hóa dược (7,8, 9,10) GD 18			
			TT KTDược			TT KTDược	TT DHCT						
			TT KTDược			TT KTDược	TT DHCT						

(Xem tiếp trang sau)

• Từ ngày 21/03 đến ngày 02/04/2016

Ngày Lớp		THỨ HAI		THỨ BA		THỨ TƯ		THỨ NĂM		THỨ SÁU		THỨ BẢY
S	D1K5			Hóa dược (2,3,4,5) GD 18		TT DHCT	TT KTDược			Dược liệu (2,3,4) GD 18		
						TT DHCT	TT KTDược					
						TT DHCT	TT KTDược					
	D2K5	TT KTDược		TT DHCT	Se ĐLCM			Dược liệu (2,3,4) GD 18		Se ĐLCM	TT KTDược	
		TT KTDược		TT DHCT	Se ĐLCM					Se ĐLCM	TT KTDược	
		TT KTDược		TT DHCT	Se ĐLCM					Se ĐLCM	TT KTDược	
C	D1K5	Giáo dục thể chất (8,9,10,11) Sân tập		TT KTDược	TT DHCT	Giáo dục thể chất (2,3,4,5) Sân tập		TT KTDược	Se ĐLCM	Se ĐLCM	TT KTDược	
				TT KTDược	TT DHCT			TT KTDược	Se ĐLCM	Se ĐLCM	TT KTDược	
				TT KTDược	TT DHCT			TT KTDược	Se ĐLCM	Se ĐLCM	TT KTDược	
	D2K5		TT KTDược	Giáo dục thể chất (2,3,4,5) Sân tập		TT KTDược	TT DHCT	Giáo dục thể chất (8,9,10,11) Sân tập		Hóa dược (7,8, 9,10) GD 18		
			TT KTDược			TT KTDược	TT DHCT					
			TT KTDược			TT KTDược	TT DHCT					

(Xem tiếp trang sau)

- Từ ngày 04/04 đến ngày 09/04/2016

	Ngày Lớp		THỨ HAI		THỨ BA		THỨ TƯ		THỨ NĂM		THỨ SÁU		THỨ BẢY
S	D1K5	TT Dliệu		Đường lối CM ĐCSVN (2,3,4,5) GD 18	TT DHCT	TT KTDược		TT Dliệu					
		TT Dliệu			TT DHCT	TT KTDược		TT Dliệu					
		TT Dliệu			TT DHCT	TT KTDược		TT Dliệu					
	D2K5	TT KTDược		TT DHCT	TT Dliệu	TT Dliệu					TT Dliệu	TT KTDược	
		TT KTDược		TT DHCT	TT Dliệu	TT Dliệu					TT Dliệu	TT KTDược	
		TT KTDược		TT DHCT	TT Dliệu	TT Dliệu					TT Dliệu	TT KTDược	
C	D1K5	Giáo dục thể chất (8,9,10,11) Sân tập		TT KTDược	TT DHCT	Giáo dục thể chất (2,3,4,5) Sân tập		TT Dliệu				TT Dliệu	
				TT KTDược	TT DHCT			TT Dliệu				TT Dliệu	
				TT KTDược	TT DHCT			TT Dliệu				TT Dliệu	
	D2K5		TT Dliệu	Giáo dục thể chất (2,3,4,5) Sân tập			TT DHCT	Giáo dục thể chất (8,9,10,11) Sân tập		Đường lối CM ĐCSVN (7,8,9,10) GD 18			
			TT Dliệu				TT DHCT						
			TT Dliệu				TT DHCT						

(Xem tiếp trang sau)

• Từ ngày **11/04** đến ngày **23/04/2016**



	Ngày Lớp	THỨ HAI		THỨ BA		THỨ TƯ		THỨ NĂM		THỨ SÁU		THỨ BẢY
S	D1K5	TT Dliệu		Đường lối CM ĐCSVN (2,3,4,5) GD 18		TT DHCT			TT Dliệu			
		TT Dliệu				TT DHCT			TT Dliệu			
		TT Dliệu				TT DHCT			TT Dliệu			
	D2K5			TT DHCT	TT Dliệu	TT Dliệu				TT Dliệu		
				TT DHCT	TT Dliệu	TT Dliệu				TT Dliệu		
				TT DHCT	TT Dliệu	TT Dliệu				TT Dliệu		
C	D1K5				TT DHCT			TT Dliệu			TT Dliệu	
					TT DHCT			TT Dliệu			TT Dliệu	
					TT DHCT			TT Dliệu			TT Dliệu	
	D2K5		TT Dliệu				TT DHCT			Đường lối CM ĐCSVN (7,8,9,10) GD 18		
			TT Dliệu				TT DHCT					
			TT Dliệu				TT DHCT					

(Xem tiếp trang sau)

- Từ ngày **25/04/2016**: Thực tập Hóa được từ 02/05/2016; Se ĐLCM từ 16/05/2016

	Ngày Lớp		THỨ HAI		THỨ BA		THỨ TƯ		THỨ NĂM		THỨ SÁU		THỨ BẢY
S	D1K5	TT Dliệu					TT HDược		TT Dliệu				
		TT Dliệu					TT HDược		TT Dliệu				
		TT Dliệu					TT HDược		TT Dliệu				
	D2K5	TT HDược		Se ĐLCM	TT Dliệu	TT Dliệu	Se ĐLCM				TT Dliệu	TT HDược	
		TT HDược		Se ĐLCM	TT Dliệu	TT Dliệu	Se ĐLCM				TT Dliệu	TT HDược	
		TT HDược		Se ĐLCM	TT Dliệu	TT Dliệu	Se ĐLCM				TT Dliệu	TT HDược	
C	D1K5			TT HDược	Se ĐLCM			TT Dliệu		Se ĐLCM	TT Dliệu		
				TT HDược	Se ĐLCM			TT Dliệu		Se ĐLCM	TT Dliệu		
				TT HDược	Se ĐLCM			TT Dliệu		Se ĐLCM	TT Dliệu		
	D2K5		TT Dliệu										
			TT Dliệu										
			TT Dliệu										

Ghi chú:

- LT bắt đầu từ 28/12/2015; Thực tế ngành 3 tuần từ 20/06/2016;
- Seminar Đường lối CM của ĐCSVN tại GD 20;
- Học phần Giáo dục thể chất chia 2 nhóm: Nhóm 1 (Tổ 1,2,3) ; Nhóm 2 (Tổ 4,5,6) ;
- Thực tập buổi sáng từ 8h00; Thực tập buổi chiều từ 13h30

THỜI KHOÁ BIỂU

Học kỳ 2 - Năm học 2015 – 2016 - Cao đẳng khóa 6

- Từ ngày 22/02 đến ngày 12/03/2016

	Ngày Lớp	THỨ HAI	THỨ BA	THỨ TƯ	THỨ NĂM	THỨ SÁU	THỨ BẢY
S	D1K6	Giải phẫu sinh lý (2,3,4,5) GD 16		Hóa hữu cơ (2,3,4) Vi sinh – KS (5,6) GD 17		Thực vật (2,3) Ngoại ngữ (4,5,6) GD 16	
	D2K6	Vi sinh – KS (2,3) Hóa hữu cơ (4,5,6) GD 17	Ngoại ngữ (2,3,4) Thực vật (5,6) GD 16	Giải phẫu sinh lý (2,3,4,5) GD 16			
C	D1K6		Ng lý CBML (7,8,9) Thực vật (10,11) GD 16				
	D2K6				Thực vật (7,8) Ng lý CBML (9,10,11) GD 16		

(Xem tiếp trang sau)

- Từ ngày 14/03 đến ngày 19/03/2016

	Ngày Lớp						
		THỨ HAI	THỨ BA	THỨ TƯ	THỨ NĂM	THỨ SÁU	THỨ BẢY
S	D1K6	Giải phẫu sinh lý (2,3,4,5) GĐ 16		Hóa hữu cơ (2,3,4) Vi sinh – KS (5,6) GĐ 17		Thực vật (2,3) Ngoại ngữ (4,5,6) GĐ 16	
	D2K6	Vi sinh – KS (2,3) Hóa hữu cơ (4,5,6) GĐ 18	Ngoại ngữ (2,3,4) Thực vật (5,6) GĐ 16	Giải phẫu sinh lý (2,3,4,5) GĐ 16			
C	D1K6		Ng lý CBML (7,8,9) Thực vật (10,11) GĐ 16		TT TVật		TT TVật
					TT TVật		TT TVật
					TT TVật		TT TVật
	D2K6			TT TVật TT TVật	Thực vật (7,8) Ng lý CBML (9,10,11) GĐ 16		

(Xem tiếp trang sau)

• Từ ngày 21/03 đến ngày 26/03/2016

Ngày Lớp		THỨ HAI	THỨ BA	THỨ TƯ		THỨ NĂM		THỨ SÁU		THỨ BẢY
S	D1K6	Giải phẫu sinh lý (2,3,4,5) GĐ 16		Hóa hữu cơ (2,3,4) Vi sinh – KS (5,6) GĐ 17				Thực vật (2,3) Ngoại ngữ (4,5,6) GĐ 16		
	D2K6	Vi sinh – KS (2,3) Hóa hữu cơ (4,5,6) GĐ 18	Ngoại ngữ (2,3,4) Thực vật (5,6) GĐ 16	Giải phẫu sinh lý (2,3,4,5) GĐ 16						
C	D1K6		Ng lý CBML (7,8,9) Thực vật (10,11) GĐ 16			TT TVật			TT TVật	Ng lý CBML (7,8,9,10,11) GĐ 16
						TT TVật			TT TVật	
						TT TVật			TT TVật	
	D2K6			TT TVật TT TVật	TT TVật	Thực vật (7,8) Ng lý CBML (9,10,11) GĐ 16		Ng lý CBML (7,8,9,10,11) GĐ 16		

(Xem tiếp trang sau)

• Từ ngày 28/03 đến ngày 09/04/2016

Ngày Lớp		THỨ HAI		THỨ BA		THỨ TƯ		THỨ NĂM		THỨ SÁU		THỨ BẢY
S	D1K6	Giải phẫu sinh lý (2,3,4,5) GD 16			TT HHC	Hóa hữu cơ (2,3,4) Vi sinh – KS (5,6) GD 17		TT HHC		Thực vật (2,3) Ngoại ngữ (4,5,6) GD 16		
					TT HHC			TT HHC				
					TT HHC			TT HHC				
	D2K6	Vi sinh – KS (2,3) Hóa hữu cơ (4,5,6) GD 17		Ngoại ngữ (2,3,4) Thực vật (5,6) GD 16		Giải phẫu sinh lý (2,3,4,5) GD 16						
C	D1K6	TT HHC		Ng lý CBML (7,8,9) Thực vật (10,11) GD 16			TT HHC	TT TVật			TT TVật	
		TT HHC					TT HHC	TT TVật			TT TVật	
		TT HHC					TT HHC	TT TVật			TT TVật	
	D2K6			TT HHC	TT HHC	TT TVật	TT TVật	Thực vật (7,8) Ng lý CBML (9,10,11) GD 16		TT HHC	TT HHC	
				TT HHC		TT TVật				TT HHC		

(Xem tiếp trang sau)

• Từ ngày 11/04 đến ngày 16/04/2016

	Ngày Lớp	THỨ HAI		THỨ BA		THỨ TƯ		THỨ NĂM		THỨ SÁU		THỨ BẢY
S	D1K6	Giải phẫu sinh lý (2,3,4,5) GĐ 16		TT GPSL	TT HHC	Hóa hữu cơ (2,3,4) Vi sinh – KS (5,6) GĐ 17		TT HHC	TT GPSL	Thực vật (2,3) Ngoại ngữ (4,5,6) GĐ 16		
				TT GPSL	TT HHC			TT HHC	TT GPSL			
				TT GPSL	TT HHC			TT HHC	TT GPSL			
	D2K6	Vi sinh – KS (2,3) Hóa hữu cơ (4,5,6) GĐ 17		Ngoại ngữ (2,3,4) Thực vật (5,6) GĐ 16		Giải phẫu sinh lý (2,3,4,5) GĐ 16		TT VS-KS	TT VS-KS	TT GPSL	TT GPSL	
								TT VS-KS		TT GPSL		
C	D1K6	TT HHC		Ng lý CBML (7,8,9) Thực vật (10,11) GĐ 16			TT HHC	TT TVật	TT VS-KS	TT VS-KS	TT TVật	
		TT HHC					TT HHC	TT TVật	TT VS-KS	TT VS-KS	TT TVật	
		TT HHC					TT HHC	TT TVật	TT VS-KS	TT VS-KS	TT TVật	
	D2K6			TT HHC	TT HHC	TT TVật	TT TVật	Thực vật (7,8) Ng lý CBML (9,10,11) GĐ 16		TT HHC	TT HHC	
				TT HHC		TT TVật				TT HHC		

(Xem tiếp trang sau)

• Từ ngày 18/04/2016

	Ngày Lớp	THỨ HAI		THỨ BA		THỨ TƯ		THỨ NĂM		THỨ SÁU		THỨ BẢY
S	D1K6	Giải phẫu sinh lý (2,3,4,5) GD 16		TT GPSL	Se NLCB	Hóa hữu cơ (2,3,4) Vi sinh – KS (5,6) GD 17	Se NLCB	TT GPSL	Thực vật (2,3) Ngoại ngữ (4,5,6) GD 16			
				TT GPSL	Se NLCB		Se NLCB	TT GPSL				
				TT GPSL	Se NLCB		Se NLCB	TT GPSL				
	D2K6	Vi sinh – KS (2,3) Hóa hữu cơ (4,5,6) GD 17		Ngoại ngữ (2,3,4) Thực vật (5,6) GD 16		Giải phẫu sinh lý (2,3,4,5) GD 16	TT VS-KS	TT VS-KS	TT GPSL	TT GPSL		
TT VS-KS							TT GPSL					
C	D1K6	Giáo dục thể chất (8,9,10,11) Sân tập		Ng lý CBML (7,8,9) Thực vật (10,11) GD 16		Giáo dục thể chất (8,9,10,11) Sân tập	TT TVật	TT VS-KS	TT VS-KS	TT TVật		
							TT TVật	TT VS-KS	TT VS-KS	TT TVật		
							TT TVật	TT VS-KS	TT VS-KS	TT TVật		
	D2K6	Se NLCB	Se NLCB	Giáo dục thể chất (8,9,10,11) Sân tập		TT TVật	TT TVật	Thực vật (7,8) Ng lý CBML (9,10,11) GD 16		Giáo dục thể chất (8,9,10,11) Sân tập		
Se NLCB		TT TVật										

Ghi chú:

- LT bắt đầu từ 22/02/2015; Seminar Nguyên lý cơ bản MacLe 2 tại GD 21;
- Giáo dục thể chất bắt đầu từ 18/04/2016: chia thành 2 nhóm học như sau
 - + Tiết 2,3 (buổi sáng), tiết 8,9 (buổi chiều): Sinh viên các tổ 1, 2, 3;
 - + Tiết 4,5 (buổi sáng), tiết 10,11 (buổi chiều): Sinh viên các tổ 4; 5, 6;
- TT bắt đầu từ:
 - + TT Thực vật từ 14/03/2016; TT Hóa hữu cơ (2 bài/tuần) từ 28/03/2016;
 - + TT Vi sinh – Ký sinh từ 11/04/2016; TT Giải phẫu sinh lý từ 11/04/2016;
- Thực tập buổi sáng 1 ca từ 8h00; Thực tập buổi chiều 1 ca từ 13h30;


PHÒNG ĐẠO TẠO
THỜI KHOÁ BIỂU K67 - HỌC KỲ II (2015 - 2016)

S Á N G	LỚP	THỨ HAI		THỨ BA		THỨ TƯ		THỨ NĂM		THỨ SÁU		THỨ BẢY	
	M1K67	Được dịch tễ CB (2,3) Kỹ thuật CX DL (4,5,6) GD 14		TT DDT	TT BChế	Bảo chế (2,3) Kiểm nghiệm (4,5,6) GD 14		Được lâm sàng (2,3,4,5) GD 14		Bảo chế công nghiệp (2,3,4,5) GD 14		TT BChế	TT DDT
				TT DDT	TT BChế							TT BChế	TT DDT
				TT DDT								TT BChế	TT KN
				TT BChế								TT DDT	TT KN
	M2K67	TT KN	TT DLS	Bảo chế công nghiệp (2,3,4,5) GD 10		Được lâm sàng (2,3,4,5) GD 10		TT DDT	TT BChế	Được dịch tễ CB (2,3) Kỹ thuật CX DL (4,5,6) GD 10			
		TT KN	TT DLS					TT DDT	TT BChế				
		TT KN	TT DLS					TT DDT	TT BChế				
	M3K67	Được lâm sàng (2,3,4,5) GD 9		Kỹ thuật CX DL (2,3,4) Được dịch tễ CB (5,6) GD 9				TT KN	TT DLS				
								TT KN	TT DLS				
								TT KN	TT DLS				
	N1K67	Được lý 3 (2,3,4) Bảo chế (5,6) GD 10				TT KNGT	TT BChế	Kỹ năng giao tiếp /TT thuốc (2,3) Kiểm nghiệm/Sử dụng thuốc trong ĐT (4,5,6) GD 10		TT DLS	TT KN		
						TT KNGT	TT BChế			TT DLS	TT KN		
						TT KNGT				TT DLS			
	N2K67	TT BChế	TT KNGT	TT KN	TT DLS					Được lâm sàng/ Sử dụng thuốc trong ĐT* (2,3,4,5) GD 9			
		TT BChế	TT KNGT	TT KN	TT DLS								
		TT BChế		TT KN									
	N3K67			Được lâm sàng/Sử dụng thuốc trong ĐT* (2,3,4,5) GD 11		Kiểm nghiệm/Sử dụng thuốc trong ĐT (2,3,4) Kỹ năng GT/TT thuốc (5,6) GD 11		Bảo chế (2,3) Được lý 3 (4,5,6) GD 11					
	O1K67				TTMARK	TT KN	TT DLS	TTMARK		TT KNGT	TT BChế		
					TTMARK	TT KN	TT DLS	TTMARK		TT KNGT	TT BChế		
					TT DLS	TT KN	TT BChế	TTMARK	TTMARK	TT KNGT	TT KN		
				TTMARK		TT DLS				TT BChế			
	P1K67	TT Đa dạng SH	TT Đa dạng SH	Bệnh học YHCT (2,3) Kiểm nghiệm/PPNC cây thuốc (4,5,6) GD 6		Được học cổ truyền2/ Được lý-DCT (2,3,4) Bảo chế (5,6) GD 9		Đa dạng sinh học cây thuốc (2,3,4,5) GD 9				TT DLS	TT DLS
		TT Đa dạng SH	TT Đa dạng SH									TT DLS	

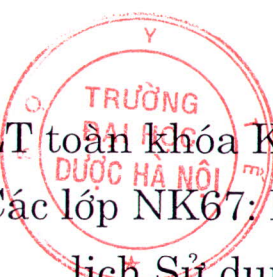
(Xem tiếp trang sau)

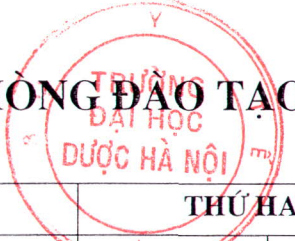


THỜI KHOÁ BIỂU K67 - HỌC KỲ II (2015 - 2016)

C H I Ê U	LỚP	THỨ HAI		THỨ BA		THỨ TƯ		THỨ NĂM		THỨ SÁU		THỨ BẢY	
	M1K67	TT KN 2						TT DLS1	TT KN1		TT DLS1		
		TT KN 2						TT DLS1	TT KN1		TT DLS1		
		TT KN 2				TT BChế1		TT DLS1	TT DDT1		TT DLS2		
						TT BChế1		TT KN1	TT DDT1	TT DLS1	TT DLS2		
	M2K67	Kiểm nghiệm (7,8,9) Bảo chế (10,11) GD 10				TT DLS2	TT KN1			TT BChế2	TT DDT2		
						TT DLS2	TT KN1			TT BChế2	TT DDT2		
						TT DLS2	TT KN1			TT BChế2	TT DDT2		
	M3K67	TT DDT2	TT BChế2	TT DLS2	TT KN 2	TT BChế1	TT DDT	Bảo chế công nghiệp (7,8,9,10) GD 10		Bảo chế (7,8) Kiểm nghiệm (9,10,11) GD 10			
		TT DDT2	TT BChế2	TT DLS2	TT KN 2	TT BChế1	TT DDT						
		TT DDT2	TT BChế2	TT DLS2	TT KN 2	TT BChế1	TT DDT						
	N1K67		TT DLS2	TT BChế2				TT KN 2	TT KNGT2	Dược lâm sàng/ Sử dụng thuốc trong ĐT* (7,8,9,10) GD 9			
				TT BChế2				TT KN 2	TT KNGT2				
			TT DLS2	TT BChế2				TT KN 2					
	N2K67				Kỹ năng giao tiếp /TT thuốc (2,3) Kiểm nghiệm/Sử dụng thuốc trong ĐT (4,5,6) GD 11		TT DLS1	TT BChế2	Bảo chế (7,8) Dược lý 3 (9,10,11) GD11		TT KNGT1	TT KN2	
							TT DLS1	TT BChế2			TT KNGT1	TT KN2	
							TT DLS1				TT KNGT1		
	N3K67	TT DLS1	TT KNGT1	TT KNGT1	TT KN1	TT KN 2		TT BChế2	TT DLS2		TT BChế1		
		TT DLS1	TT KNGT1	TT KNGT1	TT KN1	TT KN 2		TT BChế2	TT DLS2		TT BChế1		
		TT DLS1		TT KNGT1		TT KN 2	TT BChế2						
	O1K67	TT BChế1	TT KN1	TT DLS1	TT KNGT2	Bảo chế (7,8) Kiểm nghiệm/DượcXH (9,10,11) GD 9		Dược lâm sàng (7,8,9,10) GD 9		Marketing dược (7,8,9) Kỹ năng giao tiếp/ TT thuốc (10,11) GD 11			
		TT BChế1	TT KN1	TT DLS1	TT KNGT2								
		TT BChế1	TT KNGT1	TT DLS1									
		TT KN1		TT KNGT2									
	P1K67	Dược lâm sàng (7,8,9,10) GD 9			TT Đa dạng SH	TT Đa dạng SH			TT BChế1	TT BChế1	TT KN1	TT KN1	
					TT Đa dạng SH	TT Đa dạng SH		TT BChế2	TT BChế1	TT DLS2	TT KN1	TT KN2	

(Xem tiếp trang sau)

- 
- LT toàn khóa K67 bắt đầu từ 28/12/2015;
 - Các lớp NK67: LT Sử dụng thuốc trong điều trị từ 29/02/2016; tuần từ 04/04/2016 học 7 tiết/tuần (thêm lịch Sử dụng thuốc trong ĐT*), LT Thông tin thuốc từ 07/03/2016
 - Lớp OK67: LT Dược xã hội học từ 29/02/2016; LT Thông tin thuốc từ 07/03/2016;
 - Lớp PK67: LT Dược lý- DCT từ 21/03/2016; LT Phương pháp NC cây thuốc từ 29/02/2016
 - TT K67 bắt đầu từ:
 - TT Bào chế (3tổ/ca) từ 07/03/2016;
 - TT Kiểm nghiệm (3tổ/1ca): lớp MK67 từ 02/01 đến 16/01/2016 thực tập tại BM VS_SH; Từ 25/01/2016 cả khóa thực tập tại BM Hóa phân tích - Độc chất
 - TT Dược lâm sàng (3 tổ/ca) từ 04/01/2016
 - TT Dược dịch tễ (lớp MK67) từ 29/02/2016; TT Kỹ năng giao tiếp (N,OK67) từ 25/01/2016
 - TT Đa dạng sinh học cây thuốc (PK67) 4 tổ chia 3 nhóm; 2 bài/tuần từ 22/02/2016;
 - Tuần từ 02/05 đến 04/06/2016: các môn chuyên ngành thực tập theo lịch riêng. Cụ thể:
 - MK67: TT Kỹ thuật CXDL và Bào chế công nghiệp (TKB TT KTCX và BCCN)
 - NK67: TT Thông tin thuốc và Sử dụng thuốc trong điều trị (theo lịch BM DLS)
 - OK67: TT Dược xã hội học (Theo lịch BM QLKTD), TT Thông tin thuốc (theo lịch BM DLS)
 - PK67: Dược học CT2, Dược lý – DCT, Bệnh học YHCT (Theo lịch BM DHCT)
 - Thực tập buổi sáng 1 ca từ 8h00; Thực tập buổi chiều 1 ca từ 13h30
 - Thực tập buổi chiều 2 ca: Ca 1 (từ 12h15 đến 15h15); Ca 2 (từ 15h20 đến 18h20)


PHÒNG ĐÀO TẠO
THỜI KHOÁ BIỂU K68 - HỌC KỲ II (2015 - 2016)

		THỨ HAI		THỨ BA		THỨ TƯ		THỨ NĂM		THỨ SÁU		THỨ BẢY
S Á N G	A1K68	TTHĐược	TTDLiệu			TT QLKTD	Se ĐLCM	Đường lối CM (2,3,4) Hóa dược (5,6) GD 5		TTĐĐH/DLý	TT ĐChất	
		TTHĐược	TTDLiệu			TT QLKTD	Se ĐLCM			TTĐĐH/DLý	TT ĐChất	
		TTHĐược	TTDLiệu			TT QLKTD	Se ĐLCM			TTĐĐH/DLý	TT ĐChất	
	A2K68	TTĐĐH/DLý	TT ĐChất	TTHĐược	TTDLiệu	Dược ĐH/Dược lý (2,3,4) Dược liệu (5,6) GD 4	Độc chất/ Quản lý và KT dược (2,3,4,5) GD 4		TT QLKTD	Se ĐLCM		
		TTĐĐH/DLý	TT ĐChất	TTHĐược	TTDLiệu				TT QLKTD	Se ĐLCM		
		TTĐĐH/DLý	TT ĐChất	TTHĐược	TTDLiệu				TT QLKTD	Se ĐLCM		
	A3K68	Đường lối CM (2,3,4) Hóa dược (5,6) GD 4		TT QLKTD	Se ĐLCM	TTHĐược	TTDLiệu	TTĐĐH/DLý	TT ĐChất	TTDLiệu	TTHĐược	
				TT QLKTD	Se ĐLCM	TTHĐược	TTDLiệu	TTĐĐH/DLý	TT ĐChất	TTDLiệu	TTHĐược	
				TT QLKTD	Se ĐLCM	TTHĐược	TTDLiệu	TTĐĐH/DLý	TT ĐChất	TTDLiệu	TTHĐược	
	A4K68	TT QLKTD	Se ĐLCM	Dược liệu (2,3) Dược ĐH/Dược lý (4,5,6) GD 4		TTĐĐH/DLý	TT ĐChất	TTHĐược	TTDLiệu	Hóa dược (2,3) Đường lối CM (4,5,6) GD 4		
		TT QLKTD	Se ĐLCM			TTĐĐH/DLý	TT ĐChất	TTHĐược	TTDLiệu			
		TT QLKTD	Se ĐLCM			TTĐĐH/DLý	TT ĐChất	TTHĐược	TTDLiệu			
	A5K68	Dược ĐH/Dược lý (2,3,4) Dược liệu (5,6) GD 5		TTĐĐH/DLý	TT ĐChất	Hóa dược (2,3) Đường lối CM (4,5,6) GD 5		TT QLKTD	Se ĐLCM	Độc chất/ Quản lý và KT dược (2,3,4,5) GD 5		
				TTĐĐH/DLý	TT ĐChất			TT QLKTD	Se ĐLCM			
				TTĐĐH/DLý	TT ĐChất			TT QLKTD	Se ĐLCM			

(Xem tiếp trang sau)

PHÒNG ĐẠO TẠO
THỜI KHOÁ BIỂU K68 - HỌC KỲ II (2015 - 2016)

		THỨ HAI		THỨ BA		THỨ TƯ		THỨ NĂM		THỨ SÁU		THỨ BẢY	
C H I Ê U	A1K68	Độc chất/ Quản lý và KT được (7,8,9,10) GD 4		TTDLiệu	TTHĐược	Se ĐLCM	TT QLKTD	TT ĐChất	TTDĐH/DLý	Được ĐH/Dược lý (7,8,9) Được liệu (10,11) GD 4			
				TTDLiệu	TTHĐược	Se ĐLCM	TT QLKTD	TT ĐChất	TTDĐH/DLý				
				TTDLiệu	TTHĐược	Se ĐLCM	TT QLKTD	TT ĐChất	TTDĐH/DLý				
	A2K68			Hóa được (7,8) Đường lối CM (9,10,11) GD 4		TT ĐChất	TTDĐH/DLý	TTDLiệu	TTHĐược	Se ĐLCM	TT QLKTD		
						TT ĐChất	TTDĐH/DLý	TTDLiệu	TTHĐược	Se ĐLCM	TT QLKTD		
						TT ĐChất	TTDĐH/DLý	TTDLiệu	TTHĐược	Se ĐLCM	TT QLKTD		
	A3K68	TT ĐChất	TTDĐH/DLý	Se ĐLCM	TT QLKTD	Độc chất/ Quản lý và KT được (7,8,9,10) GD 4		Được liệu (7,8) Được ĐH/Dược lý (9,10,11) GD 4					
		TT ĐChất	TTDĐH/DLý	Se ĐLCM	TT QLKTD								
		TT ĐChất	TTDĐH/DLý	Se ĐLCM	TT QLKTD								
	A4K68	Se ĐLCM	TT QLKTD	TT ĐChất	TTDĐH/DLý			Độc chất/ Quản lý và KT được (7,8,9,10) GD 5		TTDLiệu	TTHĐược		
		Se ĐLCM	TT QLKTD	TT ĐChất	TTDĐH/DLý					TTDLiệu	TTHĐược		
		Se ĐLCM	TT QLKTD	TT ĐChất	TTDĐH/DLý					TTDLiệu	TTHĐược		
	A5K68	TTDLiệu	TTHĐược				TTHĐược	TTDLiệu	Se ĐLCM	TT QLKTD	TT ĐChất	TTDĐH/DLý	
		TTDLiệu	TTHĐược				TTHĐược	TTDLiệu	Se ĐLCM	TT QLKTD	TT ĐChất	TTDĐH/DLý	
		TTDLiệu	TTHĐược				TTHĐược	TTDLiệu	Se ĐLCM	TT QLKTD	TT ĐChất	TTDĐH/DLý	

(Xem tiếp trang sau)

Ghi chú:

- 
- LT K68 bắt đầu từ 28/12/2015;
 - LT Dược lý 1 bắt đầu từ 07/03/2016; từ 28/03/2016 học 4 tiết /buổi;
 - LT Quản lý và kinh tế dược bắt đầu từ 29/02/2016;
 - Seminar Đường lối CM của ĐCSVN từ 11/04/2016 tại GD 22, chia ca theo lịch của BM
 - TT K68 bắt đầu từ:
 - TT Dược liệu (3tổ/1buổi) từ 18/01/2016;
 - TT Dược động học (3tổ/1buổi) từ 21/03/2016 đến 09/04/2016 tại BMDLực, từ 18/04 tại BMDLS
 - TT QLKT Dược (3tổ/1buổi) từ 11/04/2016;
 - TT Hoá dược từ 14/03/2016; TT Dược lý từ 02/05/2016;
 - Thực tập buổi sáng 1 ca từ 8h00; buổi chiều 1 ca từ 13h30


PHÒNG ĐẠO TẠO
THỜI KHOÁ BIỂU K69 - HỌC KỲ II (2015 - 2016)

LỚP		THỨ HAI		THỨ BA		THỨ TƯ		THỨ NĂM		THỨ SÁU		THỨ BẢY
S Á N G	A1K69	Se NLML	TT KST/HPT	Sinh lý bệnh MD (2,3,4) Hóa lý (5,6) GD 3		Hoá phân tích (2,3) Nguyên lý CB ML2 (4,5,6) GD 3				Ký sinh trùng /Truyền thông GDSK (2,3,4,5) GD 3		
		Se NLML	TT KST/HPT									
		Se NLML	TT KST/HPT									
	A2K69	TTHLý	TT SLMD	Se NLML	TT KST/HPT	Sinh lý bệnh MD (2,3,4) Hóa lý (5,6) GD 3		TT SLMD	TTHLý			
		TTHLý	TT SLMD	Se NLML	TT KST/HPT			TT SLMD	TTHLý			
		TTHLý	TT SLMD	Se NLML	TT KST/HPT			TT SLMD	TTHLý			
	A3K69			TTHLý	TT SLMD	Se NLML	TT KST/HPT					
				TTHLý	TT SLMD	Se NLML	TT KST/HPT					
				TTHLý	TT SLMD	Se NLML	TT KST/HPT					
	A4K69	Hóa lý (2,3) Sinh lý bệnh MD (4,5,6) GD 7		Ký sinh trùng /Truyền thông GDSK (2,3,4,5) GD 7		TTHLý	TT SLMD	Se NLML	TT KST/HPT	Hoá phân tích (2,3) Nguyên lý CB ML2 (4,5,6) GD 7		
TTHLý						TT SLMD	Se NLML	TT KST/HPT				
TTHLý						TT SLMD	Se NLML	TT KST/HPT				
A5K69	Hoá phân tích (2,3) Nguyên lý CB ML2 (4,5,6) GD 3						TTHLý	TT SLMD	Se NLML	TT KST/HPT		
							TTHLý	TT SLMD	Se NLML	TT KST/HPT		
							TTHLý	TT SLMD	Se NLML	TT KST/HPT		
A6K69			Nguyên lý CBML2 (2,3,4) Hoá phân tích (5,6) GD 8		Ký sinh trùng /Truyền thông GDSK (2,3,4,5) GD 7				Hóa lý (2,3) Sinh lý bệnh MD (4,5,6) GD 8			
A7K69	Ký sinh trùng /Truyền thông GDSK (2,3,4,5) GD 8				Hóa lý (2,3) Sinh lý bệnh MD (4,5,6) GD 8		Nguyên lý CBML2 (2,3,4) Hoá phân tích (5,6) GD 8					

(Xem tiếp trang sau)


PHÒNG ĐÀO TẠO
THỜI KHOÁ BIỂU K69 - HỌC KỲ II (2015 - 2016)

C H I Ề U	LỚP		THỨ HAI		THỨ BA		THỨ TƯ		THỨ NĂM		THỨ SÁU		THỨ BẢY
	A1K69						TT KST/HPT	Se NLML	TT SLMD1	TTHLý1	TTHLý1	TT SLMD1	
							TT KST/HPT	Se NLML	TT SLMD1	TTHLý1	TTHLý1	TT SLMD1	
							TT KST/HPT	Se NLML	TT SLMD1	TTHLý1	TTHLý1	TT SLMD1	
	A2K69	Hoá phân tích (7,8) Nguyên lý CB ML2 (9,10,11) GD 7		Ký sinh trùng /Truyền thông GDSK (7,8,9,10) GD 7					TT KST/HPT2	Se NLML			
									TT KST/HPT2	Se NLML			
									TT KST/HPT2	Se NLML			
	A3K69	TT SLMD1	TTHLý1	Sinh lý bệnh MD (7,8,9) Hóa lý (10,11) GD 3			Hoá phân tích (7,8) Nguyên lý CB ML2 (9,10,11) GD 7		Ký sinh trùng /Truyền thông GDSK (2,3,4,5) GD 3		TT KST/HPT1	Se NLML	
		TT SLMD1	TTHLý1								TT KST/HPT1	Se NLML	
		TT SLMD1	TTHLý1								TT KST/HPT1	Se NLML	
A4K69		TT KST/HPT2	Se NLML	TT SLMD	TTHLý								
		TT KST/HPT2	Se NLML	TT SLMD	TTHLý								
		TT KST/HPT2	Se NLML	TT SLMD	TTHLý								
A5K69				TT KST/HPT2	Se NLML	TT SLMD1	TTHLý1	Sinh lý bệnh MD (7,8,9) Hóa lý (10,11) GD 7		Ký sinh trùng /Truyền thông GDSK (7,8,9,10) GD 7			
				TT KST/HPT2	Se NLML	TT SLMD1	TTHLý1						
				TT KST/HPT2	Se NLML	TT SLMD1	TTHLý1						
A6K69		TT KST/HPT1	Se NLML				TT SLMD2	TTHLý2	Se NLML	TT KST/HPT1	TTHLý2	TT SLMD2	
		TT KST/HPT1	Se NLML				TT SLMD2	TTHLý2	Se NLML	TT KST/HPT1	TTHLý2	TT SLMD2	
		TT KST/HPT1	Se NLML				TT SLMD2	TTHLý2	Se NLML	TT KST/HPT1	TTHLý2	TT SLMD2	
A7K69		TT SLMD2	TTHLý2	TT KST/HPT1	Se NLML					TTHLý2	TT SLMD2	Se NLML	TT KST/HPT2
		TT SLMD2	TTHLý2	TT KST/HPT1	Se NLML					TTHLý2	TT SLMD2	Se NLML	TT KST/HPT2
		TT SLMD2	TTHLý2	TT KST/HPT1	Se NLML					TTHLý2	TT SLMD2	Se NLML	TT KST/HPT2

(Xem tiếp trang sau)

Ghi chú:

- Giáo dục QPAN bắt đầu học từ 28/12/2015 đến 16/01/2016 theo lịch của Bộ môn GDQP
- LT K69 bắt đầu từ 18/01/2016; LT Truyền thông GDSK bắt đầu từ 07/03/2016;
- Seminar Nguyên lý CBCN MacLe 2 tại GĐ 21 các ca theo lịch bộ môn;
- TT K69 bắt đầu từ:
 - TT Ký sinh trùng (3tổ/1buổi) từ 18/01/2016;
 - TT Hoá phân tích (3tổ/1buổi) từ 11/04/2016;
 - TT Sinh lý bệnh miễn dịch (3tổ/1buổi) từ 14/03/2016;
 - TT Hoá lý (3 tổ/1 buổi) từ 04/04/2016;
- Thực tập buổi sáng 1 ca từ 8h00; Thực tập buổi chiều 1 ca từ 13h30;
- Thực tập buổi chiều 2 ca: Ca 1 (từ 12h15 đến 15h15); Ca 2 (từ 15h20 đến 18h20)


PHÒNG ĐÀO TẠO
THỜI KHOÁ BIỂU K70 - HỌC KỲ II (2015 - 2016)

	LỚP	THỨ HAI		THỨ BA		THỨ TƯ		THỨ NĂM		THỨ SÁU		THỨ BẢY
S Á N G	A1K70	<i>GD thể chất (2;3;4;5)</i> <i>Sân tập</i>		Se NLML	TT HĐC	Nguyên lý CBML (2,3) Sinh học ĐC (4,5,6) GD 13		Ngoại ngữ Nhóm 1 (2,3,4,5) GD 1				
				Se NLML	TT HĐC							
				Se NLML	TT HĐC							
	A2K70	Se NLML	TT HĐC	<i>GD thể chất (2;3;4;5)</i> <i>Sân tập</i>		TT SHọc/HHC	TTVật lý	Sinh học ĐC (2,3,4) Nguyên lý CBML(5,6) GD 7		Vật lý ĐC/Hóa HC (2,3) Hóa ĐC (4,5,6) GD 13		
		Se NLML	TT HĐC			TT SHọc/HHC	TTVật lý					
		Se NLML	TT HĐC			TT SHọc/HHC	TTVật lý					
	A3K70	TT SHọc/HHC	TTVật lý	Ngoại ngữ Nhóm 2 (2,3,4,5) GD 1		<i>GD thể chất (2;3;4;5)</i> <i>Sân tập</i>		Se NLML	TT HĐC			
		TT SHọc/HHC	TTVật lý					Se NLML	TT HĐC			
		TT SHọc/HHC	TTVật lý					Se NLML	TT HĐC			
	A4K70			TT SHọc/HHC	TTVật lý	Se NLML	TT HĐC	<i>GD thể chất (2;3;4;5)</i> <i>Sân tập</i>		Ngoại ngữ Nhóm 2 (2,3,4,5) GD 2		
				TT SHọc/HHC	TTVật lý	Se NLML	TT HĐC					
				TT SHọc/HHC	TTVật lý	Se NLML	TT HĐC					
	A5K70	Ngoại ngữ Nhóm 1 (2,3,4,5) GD 2		Ngoại ngữ Nhóm 2 (2,3,4,5) GD 2				TT SHọc/HHC	TTVật lý	<i>GD thể chất (2;3;4;5)</i> <i>Sân tập</i>		
								TT SHọc/HHC	TTVật lý			
								TT SHọc/HHC	TTVật lý			
	A6K70	Nguyên lý CBML (2,3) Sinh học ĐC (4,5,6) GD 13				Ngoại ngữ Nhóm 2 (2,3,4,5) GD 2				Se NLML	TT HĐC	<i>GD thể chất</i> <i>(2;3;4;5)</i> <i>Sân tập</i>
										Se NLML	TT HĐC	
										Se NLML	TT HĐC	
	A7K70			Sinh học ĐC (2,3,4) Nguyên lý CBML(5,6) GD 13				Hóa ĐC (2,3,4) Vật lý ĐC/Hóa HC (5,6) GD 13		TT SHọc/HHC	TTVật lý	
										TT SHọc/HHC	TTVật lý	
										TT SHọc/HHC	TTVật lý	

(Xem tiếp trang sau)



THỜI KHOÁ BIỂU K70 - HỌC KỲ II (2015 - 2016)

C H I Ê U	LỚP	THỨ HAI		THỨ BA		THỨ TƯ		THỨ NĂM		THỨ SÁU		THỨ BẢY
	A1K70	TT HĐC1	Se NLML	Vật lý ĐC/Hóa HC (7;8)	TTSHọc/ HHC2	TTVlý2		Ngoại ngữ Nhóm 2	TTVlý1	TTSHọc/ HHC1		
		TT HĐC1	Se NLML	Hóa ĐC (9,10;11)	TTSHọc/ HHC2	TTVlý2		(7;8;9;10)	TTVlý1	TTSHọc/ HHC1		
		TT HĐC1	Se NLML	GD 13	TTSHọc/ HHC2	TTVlý2		GD 1	TTV lý1	TTSHọc/ HHC1		
	A2K70	Ngoại ngữ Nhóm 1 (7;8;9;10) GD 2		TTVlý2	TTSHọc/ HHC2	Ngoại ngữ Nhóm 2 (7;8;9;10) GD 2			TT HĐC2	Se NLML		
				TTVlý2	TTSHọc/ HHC2				TT HĐC2	Se NLML		
				TTVlý2	TTSHọc/ HHC2				TT HĐC2	Se NLML		
	A3K70	Ngoại ngữ Nhóm 1 (7,8,9,10) GD 1		TT HĐC1	Se NLML	TTVlý1	TTSHọc/ HHC1	Vật lý ĐC/Hóa HC (7;8)	Nguyên lý CBML (7,8) Sinh học ĐC (9,10,11) GD 13			
				TT HĐC1	Se NLML	TTVlý1	TTSHọc/ HHC1	Hóa ĐC (9,10;11)				
				TT HĐC1	Se NLML	TTV lý1	TTSHọc/ HHC1	GD 13				
	A4K70	Hóa ĐC (7;8;9) Vật lý ĐC/ Hóa HC (10;11) GD 13		Ngoại ngữ Nhóm 1 (7;8;9;10) GD 1		Nguyên lý CBML (7,8) Sinh học ĐC (9,10,11) GD 14		TT HĐC1	Se NLML	TTVlý2	TTSHọc/ HHC2	
								TT HĐC1	Se NLML	TTVlý2	TTSHọc/ HHC2	
								TT HĐC1	Se NLML	TTVlý2	TTSHọc/ HHC2	
	A5K70	Se NLML	TT HĐC2	TTVlý1	TTSHọc/ HHC1	Hóa ĐC (7;8;9) Vật lý ĐC/ Hóa HC (10;11) GD 13		Sinh học ĐC (7,8,9) Nguyên lý CBML(10,11) GD 14		TT HĐC1	Se NLML	
		Se NLML	TT HĐC2	TTVlý1	TTSHọc/ HHC1					TT HĐC1	Se NLML	
		Se NLML	TT HĐC2	TTV lý1	TTSHọc/ HHC1					TT HĐC1	Se NLML	
	A6K70	TTSHọc/ HHC2	TTVật lý2	Ngoại ngữ Nhóm 1 (7;8;9;10) GD 2		TT HĐC	Se NLML	TTVlý	TT SHọc/HHC	Hóa ĐC (7;8;9) Vật lý ĐC/ Hóa HC (10;11) GD 14		
		TTSHọc/ HHC2	TTVật lý2			TT HĐC	Se NLML	TTVlý	TT SHọc/HHC			
		TTSHọc/ HHC2	TTVật lý2			TT HĐC	Se NLML	TTVlý	TT SHọc/HHC			
	A7K70	TTVật lý1	TTSHọc/ HHC1	Se NLML	TT HĐC2	Ngoại ngữ Nhóm 1 (7;8;9;10) GD 1		TT HĐC2	Se NLML	Ngoại ngữ Nhóm 2 (7;8;9;10) GD 1		GDTC (8,9,10,11) Sân tập
		TTVật lý1	TTSHọc/ HHC1	Se NLML	TT HĐC2			TT HĐC2	Se NLML			
		TTVật lý1	TTSHọc/ HHC1	Se NLML	TT HĐC2			TT HĐC2	Se NLML			

(Xem tiếp trang sau)

Ghi chú:

- LT K70 bắt đầu từ 11/01/2016; LT Ngoại ngữ bắt đầu từ 07/03/2016;
- LT Hóa hữu cơ từ 07/03/2016; tuần 09/05-21/05 học 3 tiết/buổi; từ 23/05-04/06/2016 học 4 tiết/buổi;
- Học phần Ngoại ngữ và Giáo dục thể chất chia 2 nhóm: Nhóm 1 (Tổ 1,2,3) ; Nhóm 2 (Tổ 4,5,6)
- Seminar Nguyên lý cơ bản của CNML tại GD 22 chia thành 2 ca theo lịch của BM
- Học phần Giáo dục thể chất học như sau:
 - + Tiết 2, 3 (buổi sáng); tiết 8 ;9 (buổi chiều): Nhóm 1
 - + Tiết 4, 5 (buổi sáng); tiết 10 ;11 (buổi chiều): Nhóm 2
- TT K70 bắt đầu từ:
 - TT Hóa đại cương (3tổ/1ca) từ 29/02/2016;
 - TT Sinh học ĐC (3tổ/1ca) từ 29/02/2016;
 - TT Vật lý (3tổ/1ca) từ 22/02/2016;
 - TT Hóa hữu cơ (3tổ/1ca) từ 18/04/2016;
- Thực tập buổi sáng 1 ca (từ 8h00); Thực tập buổi chiều 1 ca từ 13h30
- Thực tập buổi chiều 2 ca:
 - Ca 1 (từ 12h15 đến 15h15)
 - Ca 2 (từ 15h20 đến 18h20)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐƯỢC HÀ NỘI

THỜI KHOÁ BIỂU

PHÒNG ĐẠO TẠO

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016 - Lớp C1 - Liên thông K50

Lớp	Ngày	THỨ HAI		THỨ BA		THỨ TƯ		THỨ NĂM		THỨ SÁU		THỨ BẢY
		TT HHC	TT Tin học		TT TVật					TT TVật	TT HHC	
S	C1-K50	TT HHC	TT Tin học		TT TVật			Giải phẫu sinh lý (2,3,4)		TT TVật	TT HHC	
		TT HHC	TT Tin học		TT TVật			Tin học (5,6)		TT TVật	TT HHC	
		TT HHC	TT Tin học		TT TVật			GĐ 6		TT TVật	TT HHC	
C	C1-K50			Hóa hữu cơ (7,8)	TT Tin học	TTGPSL	TTGPSL			Thực vật (7,8) Ngoại ngữ (9,10,11) GĐ 6		
				Toán thống kê YD (9,10,11)	TT Tin học	TTGPSL	TTGPSL					
				GĐ 6	TT Tin học	TTGPSL	TTGPSL					

Ghi chú:- LT bắt đầu từ **11/01/2016**;

- TT bắt đầu từ:

TT Thực vật từ 04/04/2016; TT Hóa hữu cơ từ 21/03/2016;

TT Tin học từ 18/04/2016; TT Giải phẫu sinh lý từ 11/04/2016;

- Thực tập buổi sáng 1 ca từ 8h00; Thực tập buổi chiều 1 ca từ 13h30


 TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐƯỢC HÀ NỘI

PHÒNG ĐÀO TẠO

THỜI KHOÁ BIỂU*Học kỳ II - Năm học 2015 - 2016 - Lớp M4 - Liên thông K47*

- Từ ngày **11/01** đến ngày **30/01/2016** (TKB chuyên đề tự chọn được xếp riêng)

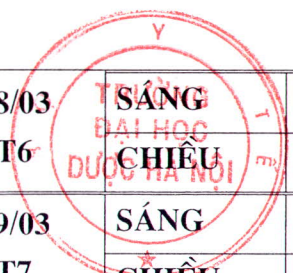
	Ngày Lớp	THỨ HAI	THỨ BA	THỨ TƯ	THỨ NĂM	THỨ SÁU	THỨ BẢY
S	M4-K47						
C	M4-K47		Bào chế công nghiệp (7,8,9,10) GĐ 16	Kỹ thuật CXDL (7,8,9,10) GĐ 16	Bào chế công nghiệp (7,8,9,10) GĐ 17		

- Từ ngày **22/02** đến ngày **05/03/2016**

	Ngày Lớp	THỨ HAI	THỨ BA	THỨ TƯ	THỨ NĂM	THỨ SÁU	THỨ BẢY
S	M4-K47						
C	M4-K47	Kỹ thuật CXDL (7,8,9,10) GĐ 16	Bào chế công nghiệp (7,8,9,10) GĐ 16	Kỹ thuật CXDL (7,8,9,10) GĐ 16	Bào chế công nghiệp (7,8,9,10) GĐ 17		

• Từ ngày 07/03 đến ngày 19/03/2016

NGÀY	BUỔI	PHÒNG TT1-KTCX	PHÒNG TT 2-KTCX	PHÒNG TT3-BCCN	PHÒNG TT4-BCCN
07/03 T2	SÁNG	Tổ 1 – M4LT47- Bài 1	Tổ 2 – M4LT47- Bài 1	Tổ 3 – M4LT47- Bài 1	
	CHIỀU	Tổ 1 – M4LT47- Bài 2	Tổ 2 – M4LT47- Bài 2	Tổ 3 – M4LT47- Bài 2	
08/03 T3	SÁNG	Tổ 1 – M4LT47- Bài 3	Tổ 2 – M4LT47- Bài 3	Tổ 3 – M4LT47- Bài 3	
	CHIỀU	Tổ 1 – M4LT47- Bài 4	Tổ 2 – M4LT47- Bài 4	Tổ 3 – M4LT47- Bài 4	
09/03 T4	SÁNG	Tổ 1 – M4LT47- Bài 5	Tổ 2 – M4LT47- Bài 5	Tổ 3 – M4LT47- Bài 5	
	CHIỀU	Tổ 1 – M4LT47- Bài 6	Tổ 2 – M4LT47- Bài 6	Tổ 3 – M4LT47- Bài 6	
10/03 T5	SÁNG	Tổ 1 – M4LT47- Bài 7	Tổ 2 – M4LT47- Bài 7	Tổ 3 – M4LT47- Bài 7	
	CHIỀU	Tổ 1 – M4LT47- Bài 8	Tổ 2 – M4LT47- Bài 8	Tổ 3 – M4LT47- Bài 8	
11/03 T6	SÁNG			Tổ 3 – M4LT47- Bài 9	
	CHIỀU			Tổ 3 – M4LT47- Bài 10	
12/03 T7	SÁNG			Tổ 3 – M4LT47- Bài 11	
	CHIỀU			Tổ 3 – M4LT47- Bài 12	
14/03 T2	SÁNG	Tổ 3 – M4LT47- Bài 1		Tổ 2 – M4LT47- Bài 1	Tổ 1 – M4LT47- Bài 1
	CHIỀU	Tổ 3 – M4LT47- Bài 2		Tổ 2 – M4LT47- Bài 2	Tổ 1 – M4LT47- Bài 2
15/03 T3	SÁNG	Tổ 3 – M4LT47- Bài 3		Tổ 2 – M4LT47- Bài 3	Tổ 1 – M4LT47- Bài 3
	CHIỀU	Tổ 3 – M4LT47- Bài 4		Tổ 2 – M4LT47- Bài 4	Tổ 1 – M4LT47- Bài 4
16/03 T4	SÁNG	Tổ 3 – M4LT47- Bài 5		Tổ 2 – M4LT47- Bài 5	Tổ 1 – M4LT47- Bài 5
	CHIỀU	Tổ 3 – M4LT47- Bài 6		Tổ 2 – M4LT47- Bài 6	Tổ 1 – M4LT47- Bài 6
17/03 T5	SÁNG	Tổ 3 – M4LT47- Bài 7		Tổ 2 – M4LT47- Bài 7	Tổ 1 – M4LT47- Bài 7
	CHIỀU	Tổ 3 – M4LT47- Bài 8		Tổ 2 – M4LT47- Bài 8	Tổ 1 – M4LT47- Bài 8



18/03 T6	SÁNG CHIỀU			Tổ 2 – M4LT47- Bài 9	Tổ 1 – M4LT47- Bài 9
				Tổ 2 – M4LT47- Bài 10	Tổ 1 – M4LT47- Bài 10
19/03 T7	SÁNG CHIỀU			Tổ 2 – M4LT47- Bài 11	Tổ 1 – M4LT47- Bài 11
				Tổ 2 – M4LT47- Bài 12	Tổ 1 – M4LT47- Bài 12

Ghi chú:

- LT bắt đầu từ 11/01/2016;
- Tuần từ 11/01-30/01/2016, học chuyên đề tự chọn có TKB riêng


 TRƯỜNG ĐẠI HỌC DƯỢC HÀ NỘI

PHÒNG ĐẠO TẠO

THỜI KHOÁ BIỂU*Học kỳ II - Năm học 2015 - 2016 - Lớp O4 - Liên thông K47*

- Từ ngày 11/01 đến ngày 30/01/2016 (TKB chuyên đề tự chọn được xếp riêng)

	Ngày Lớp	THỨ HAI	THỨ BA	THỨ TƯ	THỨ NĂM	THỨ SÁU	THỨ BẢY
S	O4-K47						
C	O4-K47		Thiết kế NC cộng đồng (7,8,9,10) GD 18	Tư vấn sử dụng thuốc (7,8,9,10) GD 18	Thực hành tốt QL và tồn trữ thuốc (7,8,9,10) GD 18		

- Từ ngày 22/02 đến ngày 05/03/2016

	Ngày Lớp	THỨ HAI	THỨ BA	THỨ TƯ	THỨ NĂM	THỨ SÁU	THỨ BẢY
S	O4-K47						
C	O4-K47		Thiết kế NC cộng đồng (7,8,9,10,11) GD 18	Thực hành tốt QL và tồn trữ thuốc (7,8,9,10,11) GD 18	Thực hành tốt QL và tồn trữ thuốc (7,8,9,10,11) GD 18		

• Từ ngày **07/03** đến ngày **12/03/2016**



	Ngày Lớp	THỨ HAI	THỨ BA	THỨ TƯ	THỨ NĂM	THỨ SÁU	THỨ BẢY
S	O4-K47						
C	O4-K47	Thực tập Tư vấn SDT GD 18	Thực tập GPs GD 18	Thực tập Tư vấn SDT GD 18	Thực tập GPs GD 18	Thực tập Tư vấn SDT GD 17	

• Từ ngày **14/03** đến ngày **19/03/2016**

	Ngày Lớp	THỨ HAI	THỨ BA	THỨ TƯ	THỨ NĂM	THỨ SÁU	THỨ BẢY
S	O4-K47						
C	O4-K47	Thực tập Tư vấn SDT GD 18	Thực tập GPs GD 18	Thực tập Tư vấn SDT GD 18	Thực tập Tư vấn SDT GD 18	Thực tập Tư vấn SDT GD 17	

Ghi chú:

- LT bắt đầu từ 11/01/2016;
- Tuần từ 11/01-30/01/2016, học chuyên đề tự chọn theo TKB riêng

TRƯỜNG ĐẠI HỌC
DUỐC HÀ NỘI
PHÒNG ĐÀO TẠO

THỜI KHOÁ BIỂU

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016 - Lớp C1 – Liên thông K48

	Ngày Lớp	THỨ HAI		THỨ BA		THỨ TƯ		THỨ NĂM		THỨ SÁU		THỨ BẢY	
S	C1- K48		Se ĐLCM	TT BChế*				TT DHCT	TT BChế*	TT BChế	TT DHCT	TT PCD	
			Se ĐLCM	TT BChế*				TT DHCT	TT BChế*	TT BChế	TT DHCT	TT PCD	
			Se ĐLCM	TT BChế*				TT DHCT	TT BChế*	TT BChế	TT DHCT	TT PCD	
C	C1- K48	TT HDược	TT BChế	Dược lý 1(7,8,9) Pháp chế dược/ Dược XHH(10;11) GD 5		Se ĐLCM	TT HDược	Hoá dược (7,8) Đường lối CM của ĐCSVN (9,10,11) GD 6		Dược học CT (7;8;9) Bào chế (10;11) GD 5			TT PCD
		TT HDược	TT BChế			Se ĐLCM	TT HDược						TT PCD
		TT HDược	TT BChế			Se ĐLCM	TT HDược						TT PCD

Ghi chú: LT bắt đầu từ 28/12/2015; LT Dược XH học từ 14/03/2016;

Se Đường lối CM của ĐCSVN tại GD 20;

TT bắt đầu từ:

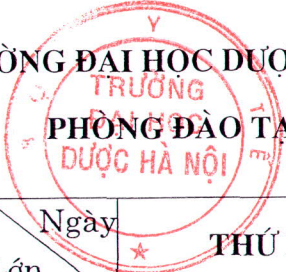
TT Bào chế tuần 18/01- 23/01/2016: TT 1 bài/tuần theo lịch TTBC*; từ 25/01-27/02/2016: TT 2 bài/tuần

TT Pháp chế dược từ 14/03/2016; TT Dược học CT từ 14/03/2016;

TT Hoá dược từ 02/05/2016;

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐƯỢC HÀ NỘI

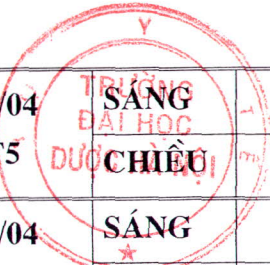
THỜI KHOÁ BIỂU

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016 - Cao đẳng khóa 4


	Ngày	THỨ HAI	THỨ BA	THỨ TƯ	THỨ NĂM	THỨ SÁU	THỨ BẢY
Lớp							
S Á N G	D1K4	Dược lâm sàng (2,3,4,5) GD 17	Dược lâm sàng (2,3) Kỹ thuật SX DP (4,5,6) GD 17				
	D2K4						
	D3K4				Kỹ thuật SXDP (2,3,4) Dược lâm sàng (5,6) GD 17	Dược lâm sàng (2,3,4,5) GD 17	
C H I Ề U	D1K4						
	D2K4		Dược lâm sàng (7,8,9,10) GD 17	Dược lâm sàng (7,8) Kỹ thuật SX DP (9,10,11) GD 17			
	D3K4						

(Xem tiếp trang sau)

08/04 T6	SÁNG	Nhóm 1 – D3K4 - Bài 1		Nhóm 4 – D1K4 - Bài 5	Nhóm 1 – D1K4 - Bài 9
	CHIỀU	Nhóm 2 – D3K4 - Bài 1		Nhóm 4 – D2K4 - Bài 5	Nhóm 1 – D2K4 - Bài 9
09/04 T7	SÁNG	Nhóm 1 – D3K4 - Bài 2		Nhóm 4 – D1K4 - Bài 6	Nhóm 1 – D1K4 - Bài 10
	CHIỀU	Nhóm 2 – D3K4 - Bài 2		Nhóm 4 – D2K4 - Bài 6	Nhóm 1 – D2K4 - Bài 10
11/04 T2	SÁNG		Nhóm 1 – D3K4 - Bài 3		Nhóm 3 – D1K4 - Bài 7
	CHIỀU		Nhóm 2 – D3K4 - Bài 3		Nhóm 3 – D2K4 - Bài 7
12/04 T3	SÁNG		Nhóm 1 – D3K4 - Bài 4		Nhóm 3 – D1K4 - Bài 8
	CHIỀU		Nhóm 2 – D3K4 - Bài 4		Nhóm 3 – D2K4 - Bài 8
13/04 T4	SÁNG			Nhóm 1 – D3K4 - Bài 5	Nhóm 3 – D1K4 - Bài 9
	CHIỀU			Nhóm 2 – D3K4 - Bài 5	Nhóm 3 – D2K4 - Bài 9
14/04 T5	SÁNG			Nhóm 1 – D3K4 - Bài 6	Nhóm 3 – D1K4 - Bài 10
	CHIỀU			Nhóm 2 – D3K4 - Bài 6	Nhóm 3 – D2K4 - Bài 10
15/04 T6	SÁNG	Nhóm 3 – D3K4 - Bài 1			Nhóm 1 – D3K4 - Bài 7
	CHIỀU	Nhóm 4 – D3K4 - Bài 1			Nhóm 2 – D3K4 - Bài 7
16/04 T7	SÁNG	Nhóm 3 – D3K4 - Bài 2			Nhóm 1 – D3K4 - Bài 8
	CHIỀU	Nhóm 4 – D3K4 - Bài 2			Nhóm 2 – D3K4 - Bài 8
18/04 T2	SÁNG		Nhóm 3 – D3K4 - Bài 3		Nhóm 1 – D3K4 - Bài 9
	CHIỀU		Nhóm 4 – D3K4 - Bài 3		Nhóm 2 – D3K4 - Bài 9
19/04 T3	SÁNG		Nhóm 3 – D3K4 - Bài 4		Nhóm 1 – D3K4 - Bài 10
	CHIỀU		Nhóm 4 – D3K4 - Bài 4		Nhóm 2 – D3K4 - Bài 10
20/04 T4	SÁNG				Nhóm 3 – D3K4 - Bài 7
	CHIỀU				Nhóm 4 – D3K4 - Bài 7



21/04	SÁNG				Nhóm 3 – D3K4 - Bài 8
T5	CHIỀU				Nhóm 4 – D3K4 - Bài 8
22/04	SÁNG				Nhóm 3 – D3K4 - Bài 9
T6	CHIỀU				Nhóm 4 – D3K4 - Bài 9
23/04	SÁNG				Nhóm 3 – D3K4 - Bài 10
T7	CHIỀU				Nhóm 4 – D3K4 - Bài 10

Ghi chú:

- LT bắt đầu từ 28/12/2016;
- TT Sản xuất thuốc từ 28/03/2016 - Mỗi lớp D1,2,3 K4 chia thành 4 nhóm như sau:
Nhóm 1: Tổ 1+1/2 Tổ 2; Nhóm 2: Tổ 3 + 1/2 Tổ 2; Nhóm 3: Tổ 4+1/2 Tổ 5; Nhóm 4: Tổ 6 + 1/2 Tổ 5;
- Chuyên đề tự chọn học từ ngày 22/02-26/03/2016 sẽ có lịch cụ thể sau
- Thực tế ngành 2 từ 25/04-21/05/2016;
- Thực tập sáng bắt đầu từ 8h00; thực tập chiều bắt đầu từ 13h30


 TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐUỐC HÀ NỘI

PHÒNG ĐÀO TẠO

THỜI KHOÁ BIỂU*Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016 - Lớp C1 - Liên thông 49*

	Ngày Lớp	THỨ HAI	THỨ BA		THỨ TƯ		THỨ NĂM		THỨ SÁU		THỨ BẢY	
S	C1 -K49				Dược liệu (2,3) Hóa sinh (4,5,6) GD 6				Tư tưởng HCM (2,3) Môi trường (4,5,6) GD 6		TT SLMD	TTHPT
											TT SLMD	TTHPT
											TT SLMD	TTHPT
C	C1 -K49	Sinh lý bệnh MD (7,8,9)	TT Dliệu	TT HSinh	TT HSinh	TT Dliệu	Se TTHCM			Se TTHCM	TTHPT	TT SLMD
		Hoá phân tích (10,11)	TT Dliệu	TT HSinh	TT HSinh	TT Dliệu	Se TTHCM			Se TTHCM	TTHPT	TT SLMD
		GD 6	TT Dliệu	TT HSinh	TT HSinh	TT Dliệu	Se TTHCM			Se TTHCM	TTHPT	TT SLMD

Ghi chú:

- Giáo dục QPAN bắt đầu học từ 23/05 -04/06/2016 theo lịch của Bộ môn GDQP
- LT C1K49 bắt đầu từ 28/12/2015;
- Seminar Tư tưởng Hồ Chí Minh tại GD 20;
- TT bắt đầu từ: TT Sinh lý bệnh MD từ 14/03/2016; TT Hoá phân tích 2 từ 11/04/2016;
TT Hoá sinh từ 28/03/2016; TT Dược liệu từ 04/04/2016;
- Thực tập buổi sáng 1 ca từ 8h00; Thực tập buổi chiều 1 ca từ 13h30

THỜI KHOÁ BIỂU
THỰC TẬP KỸ THUẬT CHIẾT XUẤT VÀ BÀO CHẾ CÔNG NGHIỆP
Học kỳ II - Năm học 2015 – 2016 - Các lớp MK67

NGÀY	BUỔI ★	PHÒNG TT1-BCCN	PHÒNG TT 2-BCCN	PHÒNG TT3-BCCN	PHÒNG TT4-CX	PHÒNG TT5-CX
02/05 T2	SÁNG	Tổ 1 –1/3 Tổ 7-M1K67	Tổ 1 –M2K67	Tổ 1 –M3K67	Tổ 4 –M1K67	Tổ 4 –M3K67
	CHIỀU CA 1	Tổ 2 –1/3 Tổ 7-M1K67	Tổ 2 –M2K67	Tổ 2 –M3K67	Tổ 5 –M1K67	Tổ 5 –M3K67
	CHIỀU CA 2	Tổ 3 –1/3 Tổ 7-M1K67	Tổ 3 –M2K67	Tổ 3 –M3K67	Tổ 6 –M1K67	Tổ 6 –M3K67
03/05 T3	SÁNG	Tổ 1 –1/3 Tổ 7-M1K67	Tổ 1 –M2K67	Tổ 1 –M3K67	Tổ 4 –M1K67	Tổ 4 –M3K67
	CHIỀU CA 1	Tổ 2 –1/3 Tổ 7-M1K67	Tổ 2 –M2K67	Tổ 2 –M3K67	Tổ 5 –M1K67	Tổ 5 –M3K67
	CHIỀU CA 2	Tổ 3 –1/3 Tổ 7-M1K67	Tổ 3 –M2K67	Tổ 3 –M3K67	Tổ 6 –M1K67	Tổ 6 –M3K67
04/05 T4	SÁNG	Tổ 1 –1/3 Tổ 7-M1K67	Tổ 1 –M2K67	Tổ 1 –M3K67	Tổ 4 –M1K67	Tổ 4 –M3K67
	CHIỀU CA 1	Tổ 2 –1/3 Tổ 7-M1K67	Tổ 2 –M2K67	Tổ 2 –M3K67	Tổ 5 –M1K67	Tổ 5 –M3K67
	CHIỀU CA 2	Tổ 3 –1/3 Tổ 7-M1K67	Tổ 3 –M2K67	Tổ 3 –M3K67	Tổ 6 –M1K67	Tổ 6 –M3K67
05/05 T5	SÁNG	Tổ 1 –1/3 Tổ 7-M1K67	Tổ 1 –M2K67	Tổ 1 –M3K67	Tổ 4 –M1K67	Tổ 4 –M3K67
	CHIỀU CA 1	Tổ 2 –1/3 Tổ 7-M1K67	Tổ 2 –M2K67	Tổ 2 –M3K67	Tổ 5 –M1K67	Tổ 5 –M3K67
	CHIỀU CA 2	Tổ 3 –1/3 Tổ 7-M1K67	Tổ 3 –M2K67	Tổ 3 –M3K67	Tổ 6 –M1K67	Tổ 6 –M3K67
06/05 T6	SÁNG	Tổ 1 –1/3 Tổ 7-M1K67	Tổ 1 –M2K67	Tổ 1 –M3K67	Tổ 4 –M1K67	Tổ 4 –M3K67
	CHIỀU CA 1	Tổ 2 –1/3 Tổ 7-M1K67	Tổ 2 –M2K67	Tổ 2 –M3K67	Tổ 5 –M1K67	Tổ 5 –M3K67
	CHIỀU CA 2	Tổ 3 –1/3 Tổ 7-M1K67	Tổ 3 –M2K67	Tổ 3 –M3K67	Tổ 6 –M1K67	Tổ 6 –M3K67
07/05 T7	SÁNG	Tổ 1 –1/3 Tổ 7-M1K67	Tổ 1 –M2K67	Tổ 1 –M3K67	Tổ 4 –M1K67	Tổ 4 –M3K67
	CHIỀU CA 1	Tổ 2 –1/3 Tổ 7-M1K67	Tổ 2 –M2K67	Tổ 2 –M3K67	Tổ 5 –M1K67	Tổ 5 –M3K67
	CHIỀU CA 2	Tổ 3 –1/3 Tổ 7-M1K67	Tổ 3 –M2K67	Tổ 3 –M3K67	Tổ 6 –M1K67	Tổ 6 –M3K67

[illegible]

18/05 T4	SÁNG TRƯỜNG ĐƯỢC HÀ NỘI	Tổ 1 –1/3 Tổ 7-M1K67	Tổ 1 –M2K67	Tổ 1 –M3K67		
	CHIỀU CA 1	Tổ 2 –1/3 Tổ 7-M1K67	Tổ 2 –M2K67	Tổ 2 –M3K67		
	CHIỀU CA 2	Tổ 3 –1/3 Tổ 7-M1K67	Tổ 3 –M2K67	Tổ 3 –M3K67		
19/05 T5	SÁNG	Tổ 4 –1/3 Tổ 8-M1K67	Tổ 4 –M2K67	Tổ 4 –M3K67	Tổ 1 –M1K67	Tổ 1 –M2K67
	CHIỀU CA 1	Tổ 5 –1/3 Tổ 8-M1K67	Tổ 5 –M2K67	Tổ 5 –M3K67	Tổ 2 –M1K67	Tổ 2 –M2K67
	CHIỀU CA 2	Tổ 6 –1/3 Tổ 8-M1K67	Tổ 6 –M2K67	Tổ 6 –M3K67	Tổ 3 –M1K67	Tổ 3 –M2K67
20/05 T6	SÁNG	Tổ 4 –1/3 Tổ 8-M1K67	Tổ 4 –M2K67	Tổ 4 –M3K67	Tổ 1 –M1K67	Tổ 1 –M2K67
	CHIỀU CA 1	Tổ 5 –1/3 Tổ 8-M1K67	Tổ 5 –M2K67	Tổ 5 –M3K67	Tổ 2 –M1K67	Tổ 2 –M2K67
	CHIỀU CA 2	Tổ 6 –1/3 Tổ 8-M1K67	Tổ 6 –M2K67	Tổ 6 –M3K67	Tổ 3 –M1K67	Tổ 3 –M2K67
21/05 T7	SÁNG	Tổ 4 –1/3 Tổ 8-M1K67	Tổ 4 –M2K67	Tổ 4 –M3K67	Tổ 1 –M1K67	Tổ 1 –M2K67
	CHIỀU CA 1	Tổ 5 –1/3 Tổ 8-M1K67	Tổ 5 –M2K67	Tổ 5 –M3K67	Tổ 2 –M1K67	Tổ 2 –M2K67
	CHIỀU CA 2	Tổ 6 –1/3 Tổ 8-M1K67	Tổ 6 –M2K67	Tổ 6 –M3K67	Tổ 3 –M1K67	Tổ 3 –M2K67
23/05 T2	SÁNG	Tổ 4 –1/3 Tổ 8-M1K67	Tổ 4 –M2K67	Tổ 4 –M3K67	Tổ 1 –M1K67	Tổ 1 –M2K67
	CHIỀU CA 1	Tổ 5 –1/3 Tổ 8-M1K67	Tổ 5 –M2K67	Tổ 5 –M3K67	Tổ 2 –M1K67	Tổ 2 –M2K67
	CHIỀU CA 2	Tổ 6 –1/3 Tổ 8-M1K67	Tổ 6 –M2K67	Tổ 6 –M3K67	Tổ 3 –M1K67	Tổ 3 –M2K67
24/05 T3	SÁNG	Tổ 4 –1/3 Tổ 8-M1K67	Tổ 4 –M2K67	Tổ 4 –M3K67	Tổ 1 –M1K67	Tổ 1 –M2K67
	CHIỀU CA 1	Tổ 5 –1/3 Tổ 8-M1K67	Tổ 5 –M2K67	Tổ 5 –M3K67	Tổ 2 –M1K67	Tổ 2 –M2K67
	CHIỀU CA 2	Tổ 6 –1/3 Tổ 8-M1K67	Tổ 6 –M2K67	Tổ 6 –M3K67	Tổ 3 –M1K67	Tổ 3 –M2K67
25/05 T4	SÁNG	Tổ 4 –1/3 Tổ 8-M1K67	Tổ 4 –M2K67	Tổ 4 –M3K67	Tổ 1 –M1K67	Tổ 1 –M2K67
	CHIỀU CA 1	Tổ 5 –1/3 Tổ 8-M1K67	Tổ 5 –M2K67	Tổ 5 –M3K67	Tổ 2 –M1K67	Tổ 2 –M2K67
	CHIỀU CA 2	Tổ 6 –1/3 Tổ 8-M1K67	Tổ 6 –M2K67	Tổ 6 –M3K67	Tổ 3 –M1K67	Tổ 3 –M2K67
26/05 T5	SÁNG	Tổ 4 –1/3 Tổ 8-M1K67	Tổ 4 –M2K67	Tổ 4 –M3K67	Tổ 1 –M1K67	Tổ 1 –M2K67
	CHIỀU CA 1	Tổ 5 –1/3 Tổ 8-M1K67	Tổ 5 –M2K67	Tổ 5 –M3K67	Tổ 2 –M1K67	Tổ 2 –M2K67
	CHIỀU CA 2	Tổ 6 –1/3 Tổ 8-M1K67	Tổ 6 –M2K67	Tổ 6 –M3K67	Tổ 3 –M1K67	Tổ 3 –M2K67
27/05	SÁNG	Tổ 4 –1/3 Tổ 8-M1K67	Tổ 4 –M2K67	Tổ 4 –M3K67	Tổ 1 –M3K67	Tổ 3 –M3K67

T6	CHIỀU CA 1	Tổ 5 – 1/3 Tổ 8-M1K67	Tổ 5 –M2K67	Tổ 5 –M3K67	Tổ 2 –M3K67	Tổ 7 – M1K67
	CHIỀU CA 2	Tổ 6 – 1/3 Tổ 8-M1K67	Tổ 6 –M2K67	Tổ 6 –M3K67		
28/05 T7	SÁNG	Tổ 4 – 1/3 Tổ 8-M1K67	Tổ 4 –M2K67	Tổ 4 –M3K67	Tổ 1 –M3K67	Tổ 3 –M3K67
	CHIỀU CA 1	Tổ 5 – 1/3 Tổ 8-M1K67	Tổ 5 –M2K67	Tổ 5 –M3K67	Tổ 2 –M3K67	Tổ 7 – M1K67
	CHIỀU CA 2	Tổ 6 – 1/3 Tổ 8-M1K67	Tổ 6 –M2K67	Tổ 6 –M3K67		
30/05 T2	SÁNG	Tổ 4 – 1/3 Tổ 8-M1K67	Tổ 4 –M2K67	Tổ 4 –M3K67	Tổ 1 –M3K67	Tổ 3 –M3K67
	CHIỀU CA 1	Tổ 5 – 1/3 Tổ 8-M1K67	Tổ 5 –M2K67	Tổ 5 –M3K67	Tổ 2 –M3K67	Tổ 7 – M1K67
	CHIỀU CA 2	Tổ 6 – 1/3 Tổ 8-M1K67	Tổ 6 –M2K67	Tổ 6 –M3K67		
31/05 T3	SÁNG	Tổ 4 – 1/3 Tổ 8-M1K67	Tổ 4 –M2K67	Tổ 4 –M3K67	Tổ 1 –M3K67	Tổ 3 –M3K67
	CHIỀU CA 1	Tổ 5 – 1/3 Tổ 8-M1K67	Tổ 5 –M2K67	Tổ 5 –M3K67	Tổ 2 –M3K67	Tổ 7 – M1K67
	CHIỀU CA 2	Tổ 6 – 1/3 Tổ 8-M1K67	Tổ 6 –M2K67	Tổ 6 –M3K67		
01/06 T4	SÁNG	Tổ 4 – 1/3 Tổ 8-M1K67	Tổ 4 –M2K67	Tổ 4 –M3K67	Tổ 1 –M3K67	Tổ 3 –M3K67
	CHIỀU CA 1	Tổ 5 – 1/3 Tổ 8-M1K67	Tổ 5 –M2K67	Tổ 5 –M3K67	Tổ 2 –M3K67	Tổ 7 – M1K67
	CHIỀU CA 2	Tổ 6 – 1/3 Tổ 8-M1K67	Tổ 6 –M2K67	Tổ 6 –M3K67		
02/06 T2	SÁNG	Tổ 4 – 1/3 Tổ 8-M1K67	Tổ 4 –M2K67	Tổ 4 –M3K67	Tổ 1 –M3K67	Tổ 3 –M3K67
	CHIỀU CA 1	Tổ 5 – 1/3 Tổ 8-M1K67	Tổ 5 –M2K67	Tổ 5 –M3K67	Tổ 2 –M3K67	Tổ 7 – M1K67
	CHIỀU CA 2	Tổ 6 – 1/3 Tổ 8-M1K67	Tổ 6 –M2K67	Tổ 6 –M3K67		
03/06 T6	SÁNG	Tổ 4 – 1/3 Tổ 8-M1K67	Tổ 4 –M2K67	Tổ 4 –M3K67	Tổ 1 –M3K67	Tổ 3 –M3K67
	CHIỀU CA 1	Tổ 5 – 1/3 Tổ 8-M1K67	Tổ 5 –M2K67	Tổ 5 –M3K67	Tổ 2 –M3K67	Tổ 7 – M1K67
	CHIỀU CA 2	Tổ 6 – 1/3 Tổ 8-M1K67	Tổ 6 –M2K67	Tổ 6 –M3K67		
04/06 T7	SÁNG	Tổ 4 – 1/3 Tổ 8-M1K67	Tổ 4 –M2K67	Tổ 4 –M3K67		
	CHIỀU CA 1	Tổ 5 – 1/3 Tổ 8-M1K67	Tổ 5 –M2K67	Tổ 5 –M3K67		
	CHIỀU CA 2	Tổ 6 – 1/3 Tổ 8-M1K67	Tổ 6 –M2K67	Tổ 6 –M3K67		

- Thực tập sáng bắt đầu từ 8h00; thực tập chiều 1 ca từ 13h30; thực tập chiều 2 ca: ca1 từ 12h15; thực tập chiều ca 2 bắt đầu từ 15h20